

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/DS-ST
Ngày: 28-7-2022
V/v *tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thanh Sơn

- Bà Trần Thị Ánh Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Trí, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Thoa- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2022/TLST- DS ngày 04 tháng 5 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2022/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1961; địa chỉ: số 489, tổ 4, khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Trương Đức T, sinh năm 1977; địa chỉ: số 242/130, khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang.

(Ông T có mặt, bà Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Thị Đ trình bày:

Do bà buôn bán tại chợ nhiều năm nên có quen biết với mẹ ông T. Vào ngày 29 tháng 11 năm 2020, ông T có đến nhà bà vay số tiền 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng để xây cất nhà, thỏa thuận đến tháng 02 năm 2021 sẽ trả, khi

vay bà không tính lãi và ông T có viết biên nhận giao cho bà. Đến ngày 19 tháng 12 năm 2020, ông T tiếp tục vay thêm số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng để trả tiền công thợ (xây nhà), bà chỉ cho mượn không có tính lãi, ông T hứa là đến tháng 02 năm 2021 sẽ trả đủ tổng số tiền đã mượn là 80.000.000 (Tám mươi triệu) đồng. Khi đến hạn, bà có đến đòi lại số tiền mà ông T đã vay là 80.000.000 (Tám mươi triệu) đồng nhiều lần nhưng ông T không trả, khi gặp mặt thì luôn viện cớ là sẽ bán nhà, sau đó thì tránh mặt bà. Đến nay, ông T vẫn chưa trả cho bà phần tiền nào.

Nay bà Đ yêu cầu ông Trương Đức T phải trả nợ dứt điểm một lần số tiền 80.000.000 (Tám mươi triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi.

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trương Đức T trình bày:

Ông T thừa nhận có vay bà T số tiền 80.000.000 (Tám mươi triệu) đồng, khi vay bà T không có tính lãi, ông có hẹn là đến tháng 02 năm 2021 sẽ trả đủ tổng số tiền đã mượn là 80.000.000 (Tám mươi triệu) đồng cho bà Đẹp.

Từ khi vay đến nay ông T chưa trả phần tiền nào cho bà Đ, nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đ thì ông T đồng ý trả số nợ 80.000.000 (Tám mươi triệu) đồng mà ông đã vay của bà Đ, tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn hiện phải đi làm thuê tại Thành phố Hồ Chí Minh, do đó, ông xin được trả hàng tháng từ 2.000.000 đồng – 3.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Tòa án đã mở phiên hòa giải và các đương sự thống nhất vốn vay là 80.000.000 (Tám mươi triệu) đồng và thời gian vay. Tuy nhiên, các đương sự không thống nhất về phương thức thanh toán nên hòa giải không thành.

Tại phiên tòa, bị đơn ông T xin trả nợ dần hàng tháng từ 2.000.000 đồng – 3.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ nhưng nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với phương thức trả nợ của ông T, yêu cầu ông T trả nợ dứt điểm một lần cho số tiền nợ 80.000.000 (Tám mươi triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xác định thẩm quyền thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo quy định tại các Điều 195, 196, 198 và Điều 203, 208 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự chấp hành đúng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự nên đảm bảo được quyền,

nghĩa vụ của mình. Bà Huỳnh Thị Đ có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt, thuộc trường hợp Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 BLTTDS.

Về nội dung: Xét thấy, việc vay nợ giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, phù hợp quy định pháp luật, trong thời gian thực hiện hợp đồng vay ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà Đ. Do đó, việc bà Đep khởi kiện yêu cầu ông T có trách nhiệm trả một lần số tiền đã vay 80.000.000 (Tám mươi triệu) đồng là có căn cứ.

Đối với việc ông T xin trả dần hàng tháng từ 2.000.000 đồng – 3.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, do hoàn cảnh khó khăn, không được bà Đ chấp nhận nên không có cơ sở xem xét.

Từ phân tích trên, căn cứ quy định tại các Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông T có nghĩa vụ trả cho bà Đep số tiền 80.000.000 (Tám mươi triệu) đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

Về tố tụng

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Đ khởi kiện chỉ yêu cầu cá nhân ông Trương Đức T về hợp đồng vay tài sản, ông T có địa chỉ cư trú tại thành phố C nên Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Huỳnh Thị Đ có đơn xin vắng mặt tại phiên Tòa, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Đ.

Về nội dung

[2] Giữa bà Huỳnh Thị Đ và ông Trương Đức T có sự thỏa thuận giao dịch dân sự, bà Đ là bên cho vay, ông T là bên vay và có làm biên nhận nợ, nội dung hợp đồng vay trên cơ sở tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng dân sự quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự bà Huỳnh Thị Đ và ông Trương Đức T đều thống nhất ông T còn nợ bà Đ số tiền nợ 80.000.000 (Tám mươi triệu) đồng. Ông T cũng xác định trong biên nhận nợ đề ngày 29/11/2020 có ghi tên “đi T” cũng chính là bà Huỳnh Thị Đ. Xét, hợp đồng vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn được giao kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung không trái pháp luật, đạo đức xã hội, các bên tham gia đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, bà Đ đã giao tiền, ông T đã nhận tiền và có lập biên nhận nợ nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ

của bên vay. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vay còn nợ là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm*

Ông Trương Đức T phải chịu 4.000.000 (Bốn triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Huỳnh Thị Đ là người cao tuổi, có đơn xin miễn án tạm ứng án phí và yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Đ.

Buộc ông Trương Đức T có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị Đ số tiền 80.000.000 (Tám mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] *Về án phí dân sự sơ thẩm*

Ông Trương Đức T phải chịu 4.000.000 (Bốn triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Huỳnh Thị Đ là người cao tuổi, có đơn xin miễn án tạm ứng án phí và yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[3] *Về quyền kháng cáo*

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị đơn ông Trương Đức T có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của bà Huỳnh Thị Đ được tính là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi

hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. C (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP. C (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Lâm Ngọc Phượng